TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày: 13/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết – Hiệu trưởng trường DTNT, huyện Chư Păh, Gia Lai.

2. Ông Trịnh Văn Nguyên – Cán bộ hưu trí xã nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Gia Lai.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký TAND huyện Chư Păh, Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Thành Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS, ngày 04 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. A J; sinh năm 1989 tại KT. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng K, xã Đ, thành phố KT, tỉnh KT; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Bah Nar; tôn giáo: Công Giáo; con ông A P, sinh năm 1940 và bà Y H, sinh năm 1950. Bị cáo có vợ Y, sinh năm 1988 (đã chết) và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền sự: Không.Tiền án: Ngày 05/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố KT, tỉnh KT xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 05/3/2020, chấp hành xong thời gian thử thách (chưa được xóa án tích). Tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2020 đến nay. Có mặt

2. **C;** sinh ngày 18/7/2002 tại GL. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Bah Nar; tôn giáo: Công Giáo; con ông C, sinh năm 1969 (đã chết) và bà C1, sinh năm 1974.Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: Tốt. Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. T; sinh ngày 04/4/2004 tại GL. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Bah Nar; tôn giáo: Công Giáo; con ông C, sinh năm 1969 (đã chết) và

bà C1, sinh năm 1974. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nhân thân: Tốt. Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo C, T đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà C1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL (Là mẹ đẻ của các bị cáo). Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo C, T:* Ông Tống Đức N- Luật sư Văn phòng luật sư HT thuộc Đoàn luật sư tỉnh GL. Có mặt

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1990 và bà Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: 218 Trần Văn H, phường T, tp. KT, tỉnh KT. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Y S, sinh ngày 05/7/2004. Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL. Có mặt

2. *Người đại diện hợp pháp của* Y S *đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông A T, sinh năm 1980 (Có mặt) và bà Y L, sinh năm 1980 (Vắng mặt). Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL

3. Tr, sinh ngày 20/3/2006. Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL. Có mặt

4. Người đại diện hợp pháp của Tr đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà C1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Làng K, xã H, huyện C, GL. Có mặt

- *Người phiên dịch*: Ông S – Cán bộ Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện Chư Păh, Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều tối ngày 14/4/2020, Y S, sinh ngày 05/7/2004, đến nhà bà C1 ở làng K, xã H, huyện C chơi. Lúc này, có hai chị em C, T (là con của bà C1) ở nhà và A J từ thôn K, xã Đ, thành phố KT đến chơi và ở lại nhà của C. Y S biết cửa hàng tạp hóa của vợ chồng chị Đặng Thị Thúy H và anh Nguyễn Duy Đ, trú tại số 218 Trần Văn H, phường T, thành phố KT, tỉnh KT, tạm trú tại làng K, xã H, huyện C, tỉnh GL gần nhà S đóng cửa không có ai ở nhà, nên S đã rủ J, C, T đến nhà chị H trộm tài sản về để cùng ăn uống và sử dụng thì tất cả đồng ý. Nhưng sau đó do C bận việc không đi được và nói những người khác đi. Vào khoảng 22 giờ cùng ngày, A Jo, T, S đã đi trộm cắp tài sản. A J cầm theo con rựa của nhà C còn T và S mỗi người mang theo 01 chiếc đèn pin của nhà mình đi đến quán nhà chị H. Khi đến nơi, A J dùng rựa cạy cửa sau nhà, rồi đi lên cạy cửa phòng để hàng tạp hóa cho cả ba đi vào. Tại đây, A J, T, S lấy một túi ni lông có trong quán rồi mỗi người tự lấy tài sản, hàng hóa bỏ trong túi ni lông. Sau khi lấy được tài sản thì cả ba đưa về nhà C, lúc này C đang ở nhà. Tại đây tất cả bỏ ra những tài sản đã lấy trộm được thì thấy có: 04 cây thuốc, 07 gói bột ngọt, 03 hộp kem đánh răng hiệu PS, 05 dây chuyền kim loại Inox, 05 chai dầu ăn, 03 chai nước hoa hiệu Gucci, 01 lốc bật lửa, 01 thùng mỳ tôm hiệu KoKoMi, 01 thùng mỳ tôm hiệu Hảo Hảo, nên A J, T, S, C cùng nhau ăn, uống, sử dụng. Ngày 15/4/2020, vợ chồng chị H đi

về quán thấy nhà mình bị cạy cửa và mất một số tài sản nên đã đi tìm nhưng không thấy. Sau đó vì có việc nên vợ chồng chị H về lại nhà ở thành phố KT chưa kịp trình báo.

Đến 03 ngày sau vào khoảng 22 giờ ngày 17/4/2020, Y S lại đến nhà C chơi, lúc này có A J, T và Tr (sinh ngày 20/3/2006, là em của C và T), tất cả thống nhất đi trộm cắp tài sản của nhà chị H. T và S mỗi người mang theo 01 chiếc đèn pin, A J cầm theo 01 con dao rựa. Khi đến quán nhà chị H thì A J mở cửa sau của quán rồi cùng C, T, Y S đi vào bên trong còn Tr đứng ngoài cảnh giới. A J cùng những người nêu trên dùng túi ni lông của quán lấy thuốc lá, pin con thỏ, bột ngọt, kem đánh răng, dầu ăn, mì tôm, xúc xích, rượu trắng, nước ngọt, bật lửa, bột giặt, giày, dây chuyền, son môi đưa về nhà C. Tại đây tất cả bỏ ra kiểm tra thì thấy: 06 cây thuốc; 01 lốc Pin con thỏ loại nhỏ, 03 gói bột ngọt hiệu Vedan, 07 hợp kem đánh răng hiệu PS, 07 chai dầu ăn hiệu Melzan Gold, 20 lít rượu trắng, 02 cây son môi hiệu Vellvet, 08 thùng nước ngọt, 100 quả trứng gà, 10 gói bột giặt Vì dân, 01 đôi giày thể thao hiệu Nike, 01 thùng mì tôm Ba miền, 01 thùng Xúc xích Thần đồng, 01 hộp kem hiệu Kiss, nên tất cả cùng nhau ăn uống và sử dụng. Ngày 19/4/2020, chị H cùng chồng là anh Nguyễn Duy Đ từ KT đến quán tạp hóa của mình thì phát hiện cửa nhà lại bị phá, bị mất trộm nhiều hàng hóa, tài sản trong nhà. Đến ngày 21/4/2020, chị H làm đơn trình báo gửi đến Công an huyện Chư Păh yêu cầu xử lý vụ việc.

Cùng ngày 21/4/2020, A J đến Công an xã H tự thú và giao nộp: 08 cục Pin tiểu hiệu Con Thỏ loại AA; 02 gói bột ngọt hiệu Ve Dan khối lượng 400gam; 01 hộp kem đánh răng hiệu PS khối lượng 110gam (đây là những tài sản mà A Jo, C, T đã trộm cắp của nhà chị H đang còn lại; đôi giày và 05 sợi dây chuyền đã bị mất); 01 đèn Pin đội đầu màu vàng, 01 cây rựa.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL- ĐGTS ngày 28/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện Chư Păh kết luận: Tổng tài sản bị mất vào ngày 14/4/2020 có giá trị là 2.641.000 đồng. Tổng tài sản bị mất vào ngày 17/4/2020 có giá trị là 4.837.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 03 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo A J, C, T về tội: "*Trộm cắp tài sản"*quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo A J từ 15 đến 20 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; 100 của Bộ luật hình sự đối với bi cáo C, T.

Tuyên phạt bị cáo C từ 07 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tuyên phạt bị cáo T từ 07 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 35; khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Bị cáo A J không có công việc ổn định, không có tài sản gì, nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Còn bị cáo C, T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Gia đình của C, T và gia đình của Y S đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: 08 cục Pin tiểu hiệu Con Thỏ loại AA, 02 gói bột ngọt hiệu Ve Dan, 01 hộp kem đánh răng hiệu PS, là tài sản các bị cáo trộm cắp Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị H; đối với đèn Pin đội đầu màu vàng và cây rựa, đây là tài sản hợp pháp của gia đình bà C1, khi A J và T lấy đi dùng vào việc phạm tội bà C1 không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà C1; đối với chiếc đèn pin mà Y S dùng để đi trộm cắp tài sản, đây là tài sản của gia đình của Y S, khi Y S sử dụng vào việc trộm cắp thì gia đình không biết, nên không đề cập thu giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các các bị cáo A J, C, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo C, T: Thống nhất với vị đại diện Viện kiển sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Chư Păh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo A J, C, T khai nhận: Cùng với một thủ đoạn lợi dụng chủ sở hữu không có ai trông coi cửa hàng bán quán tạp hóa, nên vào khoảng 22 giờ ngày 14/4/2020, A J cùng với C, T và Y S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng tạp hóa của chị Đặng Thị Thúy H ở làng K, xã H, huyện C với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.641.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ ngày 17/4/2020, A J cùng với C, T, Y S và Tr tiếp tục hiện hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng tạp hóa của chị Đặng Thị Thúy H ở làng K, xã H, huyện C, với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.837.000 đồng. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo A J, C, T về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Trong vụ án này, các bị cáo A J, C, T tham gia với vai trò đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, tổ chức chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành, thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo A J là người thực hành tích cực, bị cáo là người mang theo rựa và trực tiếp cạy phá cửa nhà chị H. Bị cáo tham gia 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*" chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết phải lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng, cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ điều kiện cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã ra tự thú; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo A J không có công việc ổn định, không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với C và T khi Y S rủ đi trộm cắp tài sản các bị cáo đã đồng ý ngay, trực tiếp cùng với J, Y S lén lút vào nhà bị hại trộm cắp tài sản. Các bị cáo tham gia 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết phải lên cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ do các bị cáo gây ra thì mới bảo đảm cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn; các bị cáo không có tài sản mẹ của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 91 của Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo C, T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi của các bị cáo thấy không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Bị cáo C, T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Đối với Y S và Tr là những người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với A J, C, T. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi Y S và Tr chưa đủ 16 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự thì độ tuổi của Y S và Tr không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Păh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y S và Tr.

[3] Về dân sự: Gia đình của C, T và gia đình của Y S đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lại chủ ở hữu, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo A J, C, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh và Ý kiến của người bào chưa cho các bị cáo C, T về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo A J, C, T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A J 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 21/4/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 91; 100 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 91; 100 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo C, T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh GL giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A J, C, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- CA h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hòa